|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Số /2018/TT-BGDĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**THÔNG TƯ**

**Dự thảo 2**

**Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng**

**của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018. và thay thế Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy đinh về trình tự thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp; Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi cụm từ “Vụ Hợp tác quốc tế” và “Cục Đào tạo với nước ngoài” thành “Cục Hợp tác quốc tế”; cụm từ “Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục” thành “Cục Quản lý chất lượng” tại Quyết định số [77/2007/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=77/2007/Q%C4%90-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số [26/2013/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=26/2013/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; giám đốc các đại học, học viện; hiệu trưởng các trường đại học; hiệu trưởng các trường cao đẳng, trung cấp có đào tạo ngành sư phạm; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** * Văn phòng Tổng Bí thư;
* Văn phòng Chủ tịch nước;
* Văn phòng Chính phủ;
* Văn phòng Quốc hội;
* Ban Tuyên giáo Trung ương;
* UBVHGDTNTNNÐ của Quốc hội;
* Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
* Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
* Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
* Kiểm toán nhà nước;
* Bộ trưởng (để báo cáo);
* Như Ðiều 3;
* Công báo;
* Cổng TTĐT Chính phủ;
* Cổng TTĐT Bộ GDÐT;

- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Văn Phúc** |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam**

**do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2018)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

2. Văn bản này được áp dụng đối với bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục các cấp học phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp; văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

3. Văn bản này không áp dụng đối với các loại chứng chỉ, chứng nhận sau khi hoàn thành các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Công nhận văn bằng là việc chính thức xác nhận giá trị và mức độ tương đương của văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài so với hệ thống giáo dục của Việt Nam, do cơ quan có thẩm quyền về giáo dục thực hiện. Công nhận văn bằng bao gồm công nhận tương đương và xác thực văn bằng.

Công nhận tương đương văn bằng là việc thẩm định tư cách pháp lý, thông tin kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục nước ngoài và chương trình đào tạo cấp văn bằng, các đặc điểm của chương trình đào tạo; đánh giá và so sánh tương đương với các bậc trình độ trong Khung trình độ của Việt Nam. Xác thực văn bằng là việc xác nhận sự chính xác của thông tin trên văn bằng.

2. Đào tạo từ xa là phương thức đào tạo mà trong đó hơn 50% thời lượng hoặc toàn bộ quá trình đào tạo có sự tách biệt giữa người dạy và người học về mặt không gian. Hình thức đào tạo từ xa bao gồm: học từ xa (distance learning), học trực tuyến (online learning hoặc e-learning).

3. Cơ sở giáo dục nước ngoài quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Các cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

b) Các cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp tại nước ngoài.

**Điều 3. Nguyên tắc công nhận văn bằng**

Việc công nhận văn bằng phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Thực hiện khi người có văn bằng đề nghị.

2. Khách quan, minh bạch và đúng pháp luật.

**Điều 4. Thẩm quyền công nhận tương đương và xác thực văn bằng**

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông.

2. Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương các văn bằng sau đây: văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học.

3. Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng hoặc người được Cục trưởng ủy quyền thực hiện việc xác thực các văn bằng sau đây: văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học.

4. Các cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện, năng lực có thể căn cứ vào các quy định tại Thông tư này để tự thẩm định và đánh giá văn bằng theo các tiêu chí được nêu trong mẫu Giấy công nhận tương đương văn bằng của Thông tư để tuyển dụng, bổ nhiệm, tuyển sinh trong nội bộ đơn vị và chịu trách nhiệm trước pháp luật với quyết định của mình.

**Điều 5. Những trường hợp không phải làm thủ tục công nhận tương đương văn bằng**

Văn bằng của người Việt Nam du học toàn thời gian tại nước cấp bằng không phải làm thủ tục công nhận tương đương trong các trường hợp sau đây:

1. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học thuộc phạm vi áp dụng của điều ước quốc tế có liên quan đến việc công nhận và sự tương đương của các văn bằng về giáo dục, học vị khoa học mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được các bộ và cơ quan ngang bộ cử đi học bằng ngân sách nhà nước hoặc theo các chương trình học bổng hiệp định mà chính phủ các nước cấp và đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Văn bằng cấp bởi các cơ sở giáo dục đại học xếp thứ hạng cao theo bảng xếp hạng uy tín quốc tế và nằm trong danh sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn và công bố.

**Điều 6. Văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận tương đương trong các trường hợp sau đây**

1. Văn bằng được cấp bởi các cơ sở giáo dục ở nước ngoài mà các chương trình đào tạo đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước đó, cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế có uy tín công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng, đồng thời việc thực hiện chương trình đào tạo phải tuân thủ quy định tại Khung trình độ quốc gia hoặc Hệ thống giáo dục của nước mà cơ sở giáo dục cấp bằng đặt trụ sở chính.

2. Văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện hoạt động giáo dục theo quy định trong giấy phép, tuân thủ các quy định của các văn bản pháp luật có liên quan và đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại nước khác nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính được công nhận khi cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của hai nước cho phép mở chi nhánh hoặc thực hiện hợp tác đào tạo, liên kết đào tạo và đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học theo hình thức học từ xa chỉ được công nhận khi chương trình đào tạo từ xa để cấp văn bằng đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục công nhận theo hình đào tạo từ xa và được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại Việt Nam.

**Điều 7. Căn cứ để xác định tương đương trình độ của văn bằng**

1. Các điều khoản về tương đương văn bằng quy định tại điều ước quốc tế có liên quan đến việc công nhận và sự tương đương của các văn bằng về giáo dục, học vị khoa học mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Các quy định về tuyển sinh, thời gian đào tạo hoặc số lượng tín chỉ, điều kiện tốt nghiệp, quy định liên thông giữa các trình độ và các quy định khác tại Khung trình độ quốc gia hoặc Hệ thống giáo dục của nước cấp bằng là cơ sở để xác định mức độ tuân thủ quy định của nước cấp bằng.

3. Việc so sánh bậc, trình độ, hình thức đào tạo và quy định về khả năng học lên trình độ cao hơn giữa Khung trình độ quốc gia hoặc Hệ thống giáo dục của nước cấp bằng với các quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam là cơ sở để xác định mức độ tương đương của văn bằng.

**Chương II**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN VĂN BẰNG DO**

**CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP**

**Điều 8. Hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp**

1. Hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng đối với bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông

a) Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (mẫu tại Phụ lục 1);

b) Một (01) bản sao văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt;

c) Một (01) bản sao phụ lục văn bằng (nếu có) và bảng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt;

d) Bản sao hợp lệ hộ chiếu kèm theo thị thực loại du học và có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh phù hợp với thời gian học tập tại nước ngoài (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng đối với các văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học

a) Đơn đề nghị công nhận văn bằng (mẫu tại Phụ lục 1) kèm theo mã vạch được in trực tiếp từ trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng sau khi người nộp hồ sơ nhập đầy đủ thông tin trực tuyến để đề nghị công nhận tương đương văn bằng, xác thực văn bằng hoặc công nhận văn bằng.

b) Một (01) bản sao văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt;

c) Một (01) bản sao phụ lục văn bằng (nếu có) và bảng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt;

d) Một (01) bản sao kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt văn bằng, phụ lục văn bằng (nếu có) và kết quả học tập của các trình độ học vấn đầu vào, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ học thuật có liên quan đến văn bằng đề nghị công nhận tương đương;

đ) Bản sao hợp lệ hộ chiếu kèm theo thị thực loại du học và có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh phù hợp với thời gian học tập tại nước ngoài (nếu có).

e) Giấy chấp thuận của người có văn bằng (theo mẫu của đơn vị cấp thông tin ở nước ngoài) để Trung tâm Công nhận văn bằng được nhận thông tin về văn bằng từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng ở nước ngoài;

3. Hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải còn nguyên vẹn, không bị tẩy xóa, không bị hủy hoại bởi các yếu tố thời tiết, khí hậu hoặc bất kỳ một lý do nào khác.

Đối với hồ sơ chỉ đề nghị xác thực văn bằng hoặc ngôn ngữ trên hồ sơ là tiếng Anh, các giấy tờ quy định tại điểm b, c, d của khoản 2 Điều này chỉ cần bản chứng thực sao y từ bản chính hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

**Điều 9. Trình tự, thủ tục công nhận văn bằng**

1. Trình tự, thủ tục công nhận văn bằng đối với bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông

a) Người có văn bằng hoặc người đại diện theo pháp luật của người có văn bằng hoặc người được ủy quyền, có nguyện vọng đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải gửi một (01) bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này tới sở giáo dục và đào tạo gần nhất;

b) Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và phí theo quy định, sở giáo dục và đào tạo cấp giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ, nếu hồ sơ được gửi qua đường bưu điện thì căn cứ vào dấu bưu điện để xác định ngày nhận hồ sơ. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét công nhận văn bằng cho người đề nghị. Trong trường hợp văn bằng không được công nhận hoặc chưa có đầy đủ thông tin, đang tìm cơ sở để công nhận và xác định trình độ tương đương, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản cho đương sự nêu rõ lý do.

2. Trình tự, thủ tục công nhận tương đương văn bằng đối với các văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học

a) Người có văn bằng nộp hồ sơ trực tuyến và phí theo hướng dẫn tại trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ quy định chi tiết tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Sau khi nộp hồ sơ trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng, người có văn bằng nộp hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 8 theo một trong hai hình thức: nộp trực tiếp tại Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Trường hợp hồ sơ bản giấy đầy đủ và hợp lệ, Trung tâm Công nhận văn bằng sẽ thông báo qua hộp thư điện tử và cấp mã truy cập, mật khẩu truy cập hệ thống cho người đề nghị công nhận tương đương văn bằng để theo dõi tình trạng hồ sơ hoặc Trung tâm Công nhận văn bằng sẽ in mã truy cập và mật khẩu truy cập kèm theo lịch hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

Trường hợp nộp hồ sơ bản giấy không trùng khớp với hồ sơ đã nộp trực tuyến hoặc cần yêu cầu bổ sung giấy tờ, Trung tâm Công nhận văn bằng sẽ gửi thông báo đến người nộp đề nghị hoàn chỉnh hồ sơ. Nếu quá 60 ngày làm việc mà người có văn bằng không bổ sung được hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ và mã truy cập sẽ không được lưu trên hệ thống. Người có văn bằng cần nộp lại hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8;

d) Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và phí theo quy định (nếu hồ sơ được gửi qua đường bưu điện thì căn cứ vào dấu bưu điện để xác định ngày nhận hồ sơ), Trung tâm Công nhận văn bằng có nhiệm vụ giúp Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng xem xét công nhận văn bằng tương đương. Sau 20 ngày làm việc, nếu cần thêm thời gian để làm rõ thông tin phục vụ cho việc công nhận tương đương văn bằng, Cục Quản lý chất lượng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người có văn bằng;

đ) Trường hợp văn bằng không đủ điều kiện để được công nhận tương đương, Cục Quản lý chất lượng trả lời bằng văn bản cho người có văn bằng nêu rõ lý do văn bằng không được công nhận tương đương.

3. Trình tự, thủ tục xác thực văn bằng đối với các văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học

a) Thủ tục xác thực văn bằng chỉ được thực hiện khi văn bằng đã được công nhận tương đương hoặc đủ điều kiện công nhận tương đương văn bằng;

b) Người có văn bằng nộp hồ sơ trực tuyến và phí theo hướng dẫn tại trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ quy định chi tiết tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

c) Sau khi nộp hồ sơ trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng, người có văn bằng nộp hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 8 theo một trong hai hình thức: nộp trực tiếp tại Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc gửi qua đường bưu điện;

d) Trong thời gian không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xác thực văn bằng, Trung tâm Công nhận văn bằng phải gửi đề nghị cho cơ sở giáo dục cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng nước ngoài cung cấp thông tin về văn bằng và kết quả học tập liên quan;

đ) Thời gian xác thực văn bằng phụ thuộc vào thời gian cơ sở giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng nước ngoài cung cấp thông tin về văn bằng cho Trung tâm Công nhận văn bằng. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin phản hồi, Trung tâm Công nhận văn bằng hoàn thiện thủ tục xác thực văn bằng cho người có văn bằng;

e) Sau thời gian 45 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm Công nhận văn bằng gửi đề nghị mà cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng của nước ngoài không cung cấp thông tin về văn bằng, Trung tâm Công nhận văn bằng trả lời bằng văn bản nêu rõ không có thông tin về văn bằng cho người có văn bằng.

4. Trường hợp không đồng ý với kết quả công nhận tương hoặc/và kết quả xác thực văn bằng, trong thời hạn 90 ngày sau ngày có kết quả, người có văn bằng có thể yêu cầu Cục Quản lý chất lượng đánh giá lại kết quả công nhận văn bằng. Sau 20 ngày làm việc từ khi nhận được đơn đề nghị đánh giá lại, Cục Quản lý chất lượng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả thẩm định lại văn bằng.

**Điều 10. Kết quả công nhận văn bằng**

1. Giấy công nhận văn bằng đối với bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ký bao gồm cả việc công nhận tương đương và việc xác thực văn bằng (mẫu tại Phụ lục 2).

2. Giấy công nhận tương đương văn bằng đối với các văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng sư phạm; văn bằng giáo dục đại học do Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng ký (mẫu tại Phụ lục 3):

a) Trường hợp văn bằng đáp ứng đầy đủ các căn cứ để xác định trình độ tương đương với văn bằng trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam thì Giấy công nhận ghi rõ bậc trình độ tương đương với Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Trường hợp văn bằng chỉ có thể công nhận được việc học tập một phần thì nội dung của giấy công nhận tương đương phải ghi rõ thời lượng và khối lượng kiến thức người học đã tích lũy, thời lượng và khối lượng kiến thức phải bổ sung để hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng theo khung trình độ quốc gia hoặc hệ thống giáo dục nước cấp bằng và khuyến nghị cơ sở giáo dục tại Việt Nam thu nhận người học để tiếp tục học tập phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam;

c) Trường hợp trình độ ghi trên văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp không tương đương với một trong bậc trình độ nào tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam, nội dung của giấy công nhận phải ghi rõ giá trị thực tế của văn bằng trong khung trình độ quốc gia hoặc hệ thống giáo dục nước cấp bằng và có thể đưa ra khuyến nghị cần bổ sung để liên thông lên trình độ phù hợp tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

d) Trường hợp hồ sơ công nhận tương đương văn bằng không có minh chứng về hình thức học tập hoặc không có minh chứng trình độ học vấn đầu vào, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ chuyên môn có liên quan thì nội dung của Giấy công nhận ghi rõ không đủ cơ sở để xác định được hình thức đào tạo hoặc trình độ học vấn, trình độ ngoại ngữ đầu vào và không đủ cơ sở để xác định tương đương với trình độ văn bằng của Việt Nam.

3. Giấy xác thực văn bằng do Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng hoặc người được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng ủy quyền ký yêu cầu ghi rõ thông tin họ và tên người được cấp bằng, ngày tháng năm sinh, số văn bằng (nếu có), thời gian cấp bằng, cơ sở cấp bằng, quốc gia cấp bằng, trình độ văn bằng và kết luận tính xác thực của văn bằng.

4. Giấy công nhận văn bằng tương đương và Giấy xác thực văn bằng được cấp một (01) bản chính và người có văn bằng có thể đề nghị cấp thêm bản sao.

**Điều 11. Phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng**

Người đề nghị công nhận văn bằng phải nộp phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp theo quy định của Bộ Tài chính.

Cục Quản lý chất lượng công khai các quy định phí xác minh giấy tờ, tài liệu tại trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng và hướng dẫn người đề nghị công nhận văn bằng nộp phí.

**Điều 12. Lưu trữ hồ sơ công nhận văn bằng**

Các cơ quan có thẩm quyềnthực hiện việc công nhận văn bằng và các cơ sở giáo dục đại học tự thẩm định và đánh giá văn bằng lưu trữ vĩnh viễn các hồ sơ như sau:

1. Kết quả công nhận tương đương/ kết quả đánh giá (đối với các đơn vị tự thẩm định văn bằng) và kết quả xác thực văn bằng.

2. Phiếu thẩm định.

3. Bản sao văn bằng và phụ lục văn bằng hoặc bảng kết quả học tập của văn bằng đề nghị công nhận.

4. Sổ cấp phát Giấy công nhận tương đương và xác thực văn bằng (mẫu tại Phụ lục 4).

5. Trả lời của đơn vị hoặc trường nước ngoài xác thực văn bằng.

6. Bản sao chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ có liên quan; bản sao văn bằng và phụ lục văn bằng hoặc kết quả học tập của các trình độ học vấn đầu vào.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp**

Giấy công nhận văn bằng được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được coi đã hoàn thành thủ tục công nhận tương đương văn bằng và thủ tục xác thực văn bằng. Giấy công nhận tương đương và Giấy xác thực văn bằng được cấp từ ngày Thông tư này có hiệu lực được áp dụng theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 14. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Cục Quản lý chất lượng

a) Hướng dẫn chi tiết về quy trình nộp hồ sơ, hồ sơ cần nộp tại trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng;

b) Tổ chức thực hiện thủ tục công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo quy định tại Thông tư này;

c) Thường xuyên cập nhật thông tin và thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Công nhận văn bằng về:

- Danh sách các cơ sở giáo dục nước ngoài đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài công nhận về chất lượng hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng;

- Danh sách các cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng cao theo các bảng xếp hạng uy tín của thế giới không phải làm thủ tục công nhận văn bằng;

- Dữ liệu để phục vụ công tác hậu kiểm kết quả công nhận văn bằng;

- Các điều ước quốc tế có liên quan đến công nhận văn bằng mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Phối hợp với cơ quan công nhận văn bằng của các quốc gia để trao đổi thông tin và hỗ trợ lẫn nhau trong việc công nhận tương đương và xác thực văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;

đ) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc tự thẩm định và đánh giá văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp của các cơ sở giáo dục đại học và việc công nhận văn bằng của các sở giáo dục và đào tạo.

2. Cục Hợp tác quốc tế có trách nhiệm trả lời các đơn vị sử dụng lao động hoặc cơ sở giáo dục đại học về thông tin người học đã hoàn thành khóa học theo hình thức được cử đi học tại nước ngoài theo ngân sách nhà nước hoặc theo các chương trình học bổng hiệp định.

3. Vụ Giáo dục Đại học công khai, thường xuyên cập nhật thông tin và cung cấp cho Cục Quản lý chất lượng danh sách các chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và danh sách cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm phối hợp với Cục Quản lý chất lượng trong quá trình xem xét công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

**Điều 15. Các sở giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục đại học**

1. Các sở giáo dục và đào tạo thực hiện việc công nhận văn bằng; các cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự thẩm định và đánh giá văn bằng có trách nhiệm định kỳ hàng năm gửi báo cáo việc thực hiện thẩm định văn bằng về Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25 tháng 12 gồm các nội dung: Danh sách họ tên người được đánh giá văn bằng, tên trường cấp bằng, thời gian cấp bằng, thời gian học tập, hình thức đào tạo.

2. Các cơ sở giáo dục của Việt Nam có thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài, các cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo và cấp bằng nước ngoài tại Việt Nam định kỳ hàng năm gửi báo cáo kèm theo quyết định phê duyệt các chương trình liên kết đào tạo và danh sách sinh viên, học viên tốt nghiệp trong năm về Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25 tháng 12 và công khai thông tin về việc cấp văn bằng của nước ngoài trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

**Điều 16. Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm**

1. Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại; việc tố cáo, giải quyết tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong việc công nhận văn bằng được giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Văn Phúc** |